

MÔN: CÔNG NGHỆ (NÔNG NGHIỆP) LỚP 12

I. Hình thức kiểm tra

- 100% trắc nghiệm theo cấu trúc đề của Bộ GD và ĐT :
 - + 24 câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn (6,0 điểm)
 - + 04 câu hỏi đúng – sai (4,0 điểm)
- Thời gian làm bài : 45 phút

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Giới hạn kiến thức

Các bài 10,11,12,13

2. Các câu hỏi gợi ý ôn tập theo bài

**BÀI 10: GIỚI THIỆU VỀ MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN.
(18 CÂU)**

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

Câu 1: Màu nước nuôi phù hợp nhất cho các loại thủy sản nước ngọt là

- A. màu xanh nõn chuối nhạt.
- B. màu vàng nâu nước trà.
- C. nâu xanh rêu hoặc vàng cam.
- D. màu đỏ gạch.

Câu 2: Màu nước nuôi phù hợp nhất cho các loài thủy sản nước lợ, mặn là

- A. màu xanh nõn chuối nhạt.
- B. màu vàng nâu nước trà.
- C. nâu xanh rêu hoặc vàng cam.
- D. màu đỏ gạch.

Câu 3: Khoảng pH thích hợp đối với loài tôm là

- A. 2 đến 3.
- B. 10 đến 13.
- C. 1 hoặc 14.
- D. 6,5 đến 8,5.

Câu 4: Hàm lượng NH_3 cho phép trong nước nuôi thủy sản phải nhỏ hơn

- A. 5mg/L.
- B. 0,5mg/L.
- C. 50 mg/L.
- D. 0,05 mg/L.

Câu 5: Vai trò của thực vật thủy sinh trong môi trường chăn nuôi thủy sản là

- A. cung cấp oxygen hoà tan cho nước và cung cấp nơi trú ngụ cho động vật thủy sản, ổn định nhiệt độ nước và hấp thụ một số kim loại nặng.
- B. cung cấp carbon dioxide hoà tan cho nước.
- C. trở thành thức ăn cho các động vật thủy sản.
- D. ngăn chặn sự phát triển của vi sinh vật có hại cho động vật thủy sản.

Câu 6: Sinh vật phù du đóng vai trò như thế nào trong môi trường chăn nuôi thủy sản?

- A. Phân giải thức ăn thừa, chất thải của thủy sản nuôi.
- B. Làm nguồn thức ăn và ổn định môi trường sinh thái, cung cấp oxygen hoà tan, giảm chất độc hại, ngăn tảo sợi.
- C. Chuyển hoá một số khí độc thành chất không độc.
- D. Chuyển hoá CO_2 thành O_2 hoà tan trong nước.

Câu 7: Môi trường nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam hiện tại phân ra mấy nguồn nước chính?

- A. 5.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 8: Độ mặn của nước ngọt và nước biển ven bờ là

- A. độ mặn nước ngọt $< 5\%$ $<$ độ mặn nước biển ven bờ.
- B. độ mặn nước mặn $< 5\%$ $<$ độ mặn nước biển ven bờ.
- C. độ mặn nước mặn $< 5\% \leq$ độ mặn nước biển ven bờ.
- D. độ mặn nước ngọt $< 5\% \leq$ độ mặn nước biển ven bờ.

2. THÔNG HIỂU (6 CÂU)

Câu 1: Vì sao nhiệt độ của nước nuôi thủy sản lại ảnh hưởng trực tiếp đến hô hấp, tiêu hoá, sinh sản,... của động vật thủy sản?

- A. Nhiệt độ nước ảnh hưởng đến tốc độ trao đổi chất và hoạt động của các enzyme.
- B. Nhiệt độ nước ảnh hưởng đến các yếu tố khác trong nước như oxygen hoà tan, pH,..
- C. Nhiệt độ nước ảnh hưởng đến độ trong và màu nước.
- D. Nhiệt độ nước ảnh hưởng đến thức ăn của thủy sản.

Câu 2: Nuôi thủy sản trong môi trường nước chảy có nhược điểm là

- A. nước dễ bị ô nhiễm.
- B. cần phải hỗ trợ sự lưu động của nước bằng nhiều biện pháp khác nhau như bơm, sục khí, khuấy đảo nước, thay nước,...
- C. dễ mắc bệnh.
- D. có khả năng trôi thức ăn của thủy sản.

Câu 3: Sự phát triển quá mức của visinh vật hiếu khí khiến

- A. giảm lượng oxygen hoà tan trong nước.
- B. sinh ra một số khí độc.
- C. gây bệnh cho thủy sản.
- D. cạnh tranh thức ăn của thủy sản.

Câu 4: Động vật thủy sản thiếu oxygen sẽ có các biểu hiện nào?

- A. Thường xuyên nhò đầu lên mặt nước, nặng hơn có thể bị chết.
- B. Da, vảy bị đổi màu.
- C. Bơi kém.
- D. Kém ăn.

Câu 5: Màu nước xanh nhạt (xanh nõn chuối) của nước nuôi thủy sản bắt nguồn từ

- A. sự phát triển của rong đuôi chó.
- B. sự phát triển của trùng roi.
- C. sự phát triển của tảo lục.
- D. sự phát triển của trùng giày, trùng biến hình.

3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

Câu 1: Mật độ của các cây thủy sinh quá cao sẽ dẫn đến hậu quả gì?

- A. Tăng lượng vi sinh vật gây hại cho con nuôi.
- B. Cạnh tranh oxygen hoà tan với thủy sản, các thực vật bao phủ bề mặt nước ngăn cản oxygen khuếch tán vào nước.
- C. Cạnh tranh thức ăn và oxygen của con nuôi.
- D. Tăng ô nhiễm nguồn nước.

Câu 2: Vì sao phải chuẩn bị ao nuôi tốt, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về môi trường nuôi thủy sản?

- A. Để loại bỏ chất thải, tạo môi trường tốt cho thủy sản sinh trưởng và phát triển.
- B. Để loại bỏ vi sinh vật gây hại, tạo môi trường tốt cho thủy sản sinh trưởng và phát triển.
- C. Để loại bỏ chất thải và sinh vật gây hại, tạo môi trường tốt cho thủy sản sinh trưởng và phát triển.
- D. Để tăng nồng độ oxygen hoà tan trong nước giúp thủy sản dễ dàng hô hấp dưới nước.

Câu 3: Đâu **không** phải vai trò như thế nào trong nuôi thủy sản?

- A. Cung cấp oxygen cho nước trong ao nuôi.
- B. Cung cấp thức ăn cho thủy sản trong ao nuôi.
- C. Tăng tính lưu động của nước.
- D. Các yếu tố như độ mặn, độ pH, tảo, vi sinh vật, động vật phù du,... Cũng được phân tán đều khắp trong ao.

4. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Khi cho giấy chỉ thị pH vào một mẫu nước ao nuôi tôm, ta thấy giấy chuyển màu đỏ hồng, điều này chứng tỏ



- A. nước ao nuôi có môi trường acid cao, không thích hợp để nuôi tôm.
- B. nước ao nuôi có môi trường kiềm nhẹ, không thích hợp để nuôi tôm.
- C. nước ao nuôi có môi trường acid cao, thích hợp để nuôi tôm.
- D. nước ao nuôi có môi trường trung tính, phù hợp để nuôi tôm.

Câu 2: Nuôi thủy sản trong môi trường có tính lưu động như trong hình dễ dẫn đến



- A. nước dễ bị ô nhiễm.

B. sự hỗ trợ lưu động của nước bằng nhiều biện pháp khác nhau như bơm, sục khí, khuấy đảo nước, thay nước,...

C. dễ mắc bệnh.

D. có khả năng trôi thức ăn của thủy sản.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Một nhóm học sinh được giao nhiệm vụ thuyết trình về chủ đề các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường thủy sản. Liên quan đến tác động thời tiết khí hậu, các thành viên trong nhóm đưa ra các ý kiến sau:

a. Thời tiết khí hậu ảnh hưởng đến mức nhiệt trung bình và biến động nhiệt độ theo các mùa trong năm.

b. Các loài động vật thủy sản nói chung đều có khoảng nhiệt độ phù hợp cho sinh trưởng giống nhau.

c. Việc xác định đối tượng nuôi không bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết, khí hậu.

d. Mùa vụ thả nuôi và số vụ thả nuôi trong năm không bị ảnh hưởng bởi đặc trưng thời tiết khí hậu.

BÀI 11: QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN. (20 CÂU)

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

Câu 1: Yếu tố quan trọng đầu tiên của môi trường nuôi thủy sản là

A. nguồn nước.

B. nhiệt độ.

C. thức ăn.

D. thổ nhưỡng.

Câu 2: Đâu **không** phải vai trò của quản lý môi trường nuôi thủy sản?

A. Duy trì điều kiện sống ổn định phù hợp cho động vật thủy sản sinh trưởng, phát triển.

B. Tăng chi phí xử lý ô nhiễm môi trường trong nuôi thủy sản.

C. Ngăn ngừa sự phát sinh ô nhiễm môi trường trên diện rộng.

D. Hạn chế các tác động xấu đến sức khỏe con người.

Câu 3: Quản lý nguồn nước trong quá trình nuôi gồm bao nhiêu yếu tố?

A. 2.

B. 3.

C. 4.

D. 5.

Câu 4: Các yếu tố thủy hoá **không** bao gồm

A. độ mặn.

B. vi sinh vật.

C. pH.

D. hàm lượng oxygen hoà tan.

Câu 5: Các yếu tố thủy sinh **không** bao gồm

A. nhiệt độ.

B. rong, rêu.

C. tảo.

D. cây trồng ven bờ.

Câu 6: Yếu tố thủy lý của nguồn nước trong quá trình nuôi là

A. nhiệt độ, độ trong của nước.

- B. pH.
- C. rong, rêu.
- D. độ mặn, vi sinh vật.

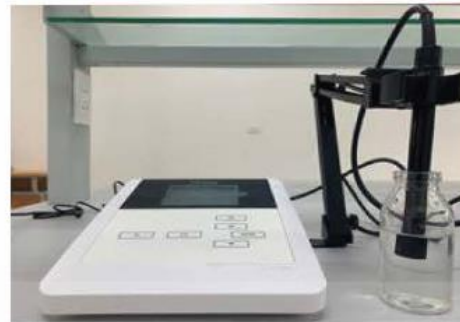
Câu 7: Bước đầu tiên trong thí nghiệm xác độ mặn, pH, hàm lượng oxygen hoà tan của nước là

- A. đo các chỉ tiêu.
- B. đọc kết quả.
- C. chuẩn bị tiêu bản.
- D. khởi động thiết bị đo.

Câu 8: Môi trường nuôi trồng thuỷ sản ở Việt Nam hiện tại phân ra mấy nguồn nước chính?

- A. 5.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 9: Thiết bị trong hình dưới đây dùng đo thông số gì của nước?



- A. Độ mặn, tảo và oxygen hoà tan.
- B. Độ mặn, vi sinh vật, NH_3 hoà tan.
- C. Độ mặn, pH, NH_3 hoà tan.
- D. Độ mặn, pH, oxygen hoà tan.

Câu 10: Ta xác định sinh vật phù du trong nước bằng dụng cụ thí nghiệm nào?

- A. Kính lúp.
- B. Lam kính.
- C. Kính hiển vi quang học.
- D. Kính thiên văn.

2. THÔNG HIỂU (5 CÂU)

Câu 1: Đâu **không** phải lý do dẫn đến việc thay nước ao sau mỗi vụ nuôi thuỷ sản?

- A. Phòng ngừa dịch bệnh.
- B. Loại bỏ chất thải, bổ sung oxygen.
- C. Cung cấp chất dinh dưỡng.
- D. Nước ao sau khi thay trong hơn.

Câu 2: Mật độ của các cây thuỷ sinh quá cao sẽ dẫn đến hậu quả gì?

- A. Tăng lượng vi sinh vật gây hại cho con nuôi.
- B. Cạnh tranh oxygen hoà tan với thú sản, các thực vật bao phủ bề mặt nước ngăn cản oxygen khuếch tán vào nước.
- C. Cạnh tranh thức ăn và oxygen của con nuôi.
- D. Tăng ô nhiễm nguồn nước.

Câu 3: Có thể xử lý chất thải nuôi thuỷ sản bằng cách

- A. xả trực tiếp ra môi trường.
- B. thu gom cơ học.
- C. dùng các chế phẩm vi sinh, enzyme để hỗ trợ chuyển hoá hoặc thu gom cơ học.
- D. dùng chlorine để trừ trùng.

Câu 4: Hệ thống nâng nhiệt, chiếu đèn hoặc sục khí được sử dụng khi

- A. nhiệt độ tăng cao.
- B. nhiệt độ giảm thấp.
- C. độ mặn cao.
- D. độ pH cao.

Câu 5: Hệ thống mái che hoặc bổ sung nước được sử dụng khi

- A. nhiệt độ tăng cao.
- B. nhiệt độ giảm thấp.
- C. độ mặn cao.
- D. độ pH cao.

3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

Câu 1: Một trong những biểu hiện khi cá thiếu oxygen là nổi đầu nhiều trên mặt nước. Ta nên xử lý như thế nào?

- A. Bổ sung oxygen bằng hoà tan H_2O_2 vào nước để phân huỷ thành O_2 .
- B. Bổ sung oxygen bằng cách sục khí, quạt nước.
- C. Trồng bổ sung các loại rong, tảo.
- D. Sử dụng hệ thống nâng nhiệt, chiếu đèn hoặc sục khí.

Câu 2: Ao nuôi thủy sản nổi váng, xuất hiện bọt nước li ti, màu nước thay đổi chứng tỏ mật độ tảo trong môi trường đang ở mức cao. Cách xử lý nào sau đây **không** phù hợp trong trường hợp này?

- A. Thay thế một phần nước bề mặt.
- B. Sử dụng hoá chất diệt tảo phù hợp.
- C. Sục khí, quạt nước để bổ sung oxygen cho nước.
- D. Trồng bổ sung các loại cây thủy sinh như rong, rêu,...

Câu 3: Nguồn nước thải sau khi nuôi thủy sản cần được xử lý như thế nào?

- A. Xả thải trực tiếp ra môi trường.
- B. Đưa vào bể lắng, lọc, xử lý hoá chất, xử lý bằng các chế phẩm sinh học.
- C. Rắc vôi bột khử trùng.
- D. Tái sử dụng cho vụ nuôi sau.

4. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Cho các nhận định sau:

- (1) Yếu tố quan trọng đầu tiên của môi trường nuôi thủy sản là nguồn nước.
- (2) Ta xác định sinh vật phù du trong nước bằng kính lúp.
- (3) Có thể xử lý chất thải nuôi thủy sản bằng cách xả trực tiếp ra môi trường.
- (4) Yếu tố thủy lí của nguồn nước trong quá trình nuôi là pH, độ mặn.
- (5) Hệ thống mái che hoặc bổ sung nước được sử dụng khi nhiệt độ tăng cao.

Số nhận định **không** chính xác là

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 2: Cho các yếu tố sau:

- (1) Nhiệt độ, độ trong.
- (2) Rong.
- (3) Tảo.
- (4) Vi sinh vật.
- (5) Độ mặn.
- (6) Hàm lượng oxygen hoà tan.
- (7) pH.
- (8) Rêu.
- (9) Cây trồng ven bờ.

Số yếu tố thuộc các yếu tố thủy sinh là

- A. 3.
- B. 4.
- C. 5.
- D. 6.

B. CÂU HỎI ĐÚNG – SAI.

Câu 1: Trong giai đoạn gieo tôm, có một số ý kiến về quá trình cho ăn và quản lý môi trường như sau:

- a) Lượng thức ăn, kích thước viên thức ăn cho tôm cần thay đổi phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tôm.
- b) Tình trạng bắt mồi của tôm cần được kiểm tra bằng cách sử dụng sàng cho ăn.
- c) Thay khoảng 70% nước hằng ngày để đảm bảo chất lượng nước.
- d) Thường xuyên kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng nước để có biện pháp xử lý kịp thời.

Câu 2: Cần lựa chọn nguồn nước đảm bảo trữ lượng và chất lượng phù hợp để cung cấp cho hệ thống nuôi. Trại nuôi cần có ao chứa nước để cấp nước vào hệ thống nuôi trước khi thả giống và cấp bù trong quá trình nuôi.

- a) Nguồn nước được đảm bảo các đối tượng vật nuôi sẽ sinh trưởng, phát triển tốt.
- b) Mỗi loại thủy sản đều có một môi trường sinh trưởng và phát triển riêng.
- c) Cần ao chứa nước có diện tích tối thiểu mà 5%.
- d) Cần quản lý nước thải sau nuôi trước khi thải ra môi trường tránh gây ô nhiễm.

BÀI 12: BIỆN PHÁP XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG NUÔI THỦY SẢN. (20 CÂU)

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

Câu 1: Bước đầu tiên trong xử lý nước trước khi nuôi thủy sản là

- A. bón phân gây màu.
- B. khử hoá chất.
- C. diệt tạp, khử khuẩn.
- D. lắng lọc.

Câu 2: Bước cuối cùng trong xử lý nước trước khi nuôi thủy sản là

- A. bón phân gây màu.
- B. khử hoá chất.
- C. diệt tạp, khử khuẩn.
- D. lắng lọc.

Câu 3: Đặc điểm của nước sau quá trình nuôi thủy sản là

- A. chứa nhiều chất dinh dưỡng.
- B. chứa nhiều chất độc hại.
- C. chứa nhiều oxygen.
- D. chứa nhiều phù sa.

Câu 4: **Không** nên sử dụng cách nào để xử lý nước sau khi thu hoạch thủy sản?

- A. Sử dụng hệ vi sinh vật phân giải chất hữu cơ
- B. Sử dụng các loài thực vật phù du, tảo hay rong rêu để hấp thụ chất độc hại.
- C. Sử dụng các loại động vật: nghêu, sò huyết, hàu,... để tiêu thụ thực vật phù du và tảo.
- D. Xả trực tiếp ra môi trường như ao, hồ, sông, biển.

Câu 5: Điều **không** phải một ứng dụng của công nghệ sinh học trong xử lý môi trường nuôi thủy sản?

- A. xử lý chất thải hữu cơ.
- B. xử lý khí độc.
- C. xử lý các chất rắn lơ lửng trong nước.
- D. xử lý vi sinh vật gây hại.

Câu 6: Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý chất thải hữu cơ là

- A. tuyển chọn và nhân giống các chủng vi khuẩn an toàn với thủy sản, đồng thời có khả năng phân giải các chất hữu cơ trong nước.
- B. tuyển chọn và nhân giống các chủng vi sinh vật có khả năng phân giải khí độc có trong môi trường nuôi thủy sản.
- C. tuyển chọn và nhân giống các vi sinh vật có lợi, có khả năng đối kháng với vi sinh vật gây bệnh trong môi trường thủy sản.
- D. sử dụng các hoá chất thân thiện với môi trường để xử lý các vấn đề về chất thải hữu cơ trong nước.

Câu 7: Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý vi sinh vật gây hại là

- A. tuyển chọn và nhân giống các chủng vi khuẩn an toàn với thủy sản, đồng thời có khả năng phân giải các chất hữu cơ trong nước.
- B. tuyển chọn và nhân giống các chủng vi sinh vật có khả năng phân giải khí độc có trong môi trường nuôi thủy sản.
- C. tuyển chọn và nhân giống các vi sinh vật có lợi, có khả năng đối kháng với vi sinh vật gây bệnh trong môi trường thủy sản.
- D. sử dụng các hoá chất thân thiện với môi trường để xử lý các vấn đề về vi sinh vật gây hại trong nước.

Câu 8: Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý khí độc là

- A. tuyển chọn và nhân giống các chủng vi khuẩn an toàn với thủy sản, đồng thời có khả năng phân giải các chất hữu cơ trong nước.
- B. tuyển chọn và nhân giống các chủng vi sinh vật có khả năng phân giải khí độc có trong môi trường nuôi thủy sản.
- C. tuyển chọn và nhân giống các vi sinh vật có lợi, có khả năng đối kháng với vi sinh vật gây bệnh trong môi trường thủy sản.
- D. sử dụng các hoá chất thân thiện với môi trường để xử lý các vấn đề về khí độc trong nước.

2. THÔNG HIỂU (6 CÂU)

Câu 1: Mục đích của lắng lọc trong xử lý nước trước khi nuôi thủy sản là gì?

- A. Bổ sung các chất dinh dưỡng cho các loài sinh vật phù du phát triển.
- B. Loại bỏ chất thải, bổ sung oxygen.
- C. Tiêu diệt các vi sinh vật có hại, mầm bệnh cũng như một số ấu trùng khác.

D. loại trừ rác, cá tạp, các tạp chất lơ lửng trong nước.

Câu 2: Vì sao có thể dùng các loại động vật vùng ven biển như nghêu, sò huyết, hào,... để làm sạch nước?

A. Chúng có thể tiêu thụ thực vật phù du và tảo để làm sạch nước.

B. Chúng tiết ra enzyme thủy phân các chất bẩn trong nước.

C. Chúng có thể chuyển hoá và phân giải các chất thải hữu cơ.

D. Chúng có thể xử phân giải các chất độc hoà tan trong nước.

Câu 3: Trước khi nuôi tôm, người ta thường sử dụng hoá chất như chlorine hay thuốc tím để

A. lắng lọc các chất rắn lơ lửng trong nước.

B. lọc màu nước.

C. diệt tạp, diệt khuẩn.

D. kích thích trứng tôm, cá nở thành ấu trùng.

Câu 4: Loài sinh vật phổ biến thường được dùng để chuyển hoá nitrogen trong môi trường nuôi thủy sản là

A. *Nitrosomonas* spp và *Nitrobacter* spp.

B. vi khuẩn có hoạt tính probiotic như *Bacillus* spp, *Enterococcus* spp,...

C. *Bacillus subtilis*, *Bacillus licheniformis*,...

D. vi khuẩn có khả năng sinh chất kháng khuẩn thuộc nhóm *Streptomyces*.

Câu 5: Loài sinh vật phổ biến thường được dùng để xử lý các chất thải hữu cơ trong môi trường nuôi thủy sản là

A. *Nitrosomonas* spp và *Nitrobacter* spp.

B. vi khuẩn có hoạt tính probiotic như *Bacillus* spp, *Enterococcus* spp,...

C. *Bacillus subtilis*, *Bacillus licheniformis*,...

D. vi khuẩn có khả năng sinh chất kháng khuẩn thuộc nhóm *Streptomyces*.

3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

Câu 1: Cho các bước cơ bản xử lý nguồn nước trước khi nuôi thủy sản sau:

(1) Diệt tạp, khử khuẩn.

(2) Bón phân gây màu.

(3) Lắng lọc.

(4) Khử hoá chất.

Thứ tự các bước cơ bản xử lý nguồn nước trước khi nuôi thủy sản là

A. (1), (2), (3), (4).

B. (4), (2), (3), (1).

C. (3), (1), (4), (2).

D. (2), (4), (1), (3).

Câu 2: Các vi khuẩn thuộc nhóm *Streptomyces* được ứng dụng để xử lý vi sinh vật gây hại vì

A. có khả năng sinh chất kháng khuẩn.

B. có khả năng gây bệnh cho các vi sinh vật gây bệnh.

C. có khả năng tạo chất gây ngộ độc các vi sinh vật trong nước.

D. có khả năng phân huỷ các vi sinh vật gây bệnh.

Câu 3: Phải xử lý nước trước khi nuôi thủy sản vì

A. nguồn nước ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động sống, sinh trưởng, phát triển của các động vật thủy sinh.

B. nguồn nước ảnh hưởng đến chất lượng thủy sản sau thu hoạch.

- C. nguồn nước là nơi sinh sống, trú ngụ của các động vật thủy sinh.
D. nguồn nước cung cấp thức ăn và chất dinh dưỡng cho các động vật thủy sinh

4. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Hình ảnh sau là phương pháp xử lí nước nào sau thu hoạch thủy sản?



- A. Sử dụng hệ vi sinh vật.
B. Sử dụng hoá chất.
C. Sử dụng hệ động vật.
D. Sử dụng hệ thực vật.

Câu 2: Mục đích của việc khử hoá chất trong xử lí nguồn nước trước khi nuôi thủy sản là

- A. loại bỏ các chất rắn lơ lửng trong nước.
B. loại bỏ dư lượng hoá chất khi diệt tạp, khử khuẩn.
C. loại bỏ các vi sinh vật gây hại trong nước.
D. loại bỏ các chất độc có trong nước.

B. CÂU HỎI ĐÚNG – SAI

Câu 1: Khi được giao nhiệm vụ thuyết trình về ứng dụng vi sinh vật trong xử lí môi trường nuôi thủy sản. Trước khi báo cáo, nhóm học sinh đã thông nhất một số nội dung cốt lõi đưa vào phần kết luận. Sau đây là một số ý kiến:

- a) Vi sinh vật dị dưỡng có khả năng phân huỷ chất hữu cơ, một số nhóm thường được ứng dụng trong xử lí môi trường nuôi thủy sản như Nitrosomonas và Nitrobacter.
b) Vi khuẩn quang hoá tự dưỡng có tác dụng chuyển hoá ammonia thành nitrate, thường sử dụng là Lactobacillus, Bacillus, nấm men Saccharomyces.
c) Vi sinh vật thường được ứng dụng theo ương tạo chế phẩm sinh học bón xuống ao hoặc trong công nghệ biofloc hoặc lọc sinh học.
d) Ngoài tác dụng xử lí môi trường, các nhóm vi khuẩn có lợi cũng có khả năng ức chế và tiêu diệt vi khuẩn vi khuẩn có hại.

Câu 2: Công nghệ sinh học phát triển đã giúp ứng dụng mạnh mẽ vi sinh vật để quản lí môi trường nuôi thủy sản nhằm thực hiện các chức năng xử lí chính: xử lí chất thải hữu cơ, xử lí khí độc và vi sinh vật gây hại trong môi trường nuôi.

- a) Công nghệ sinh học đã được ứng dụng bằng cách sử dụng các chủng vi sinh vật có tác dụng phân giải khí độc trong nước và nền đáy như NH_3 và H_2S .
b) Vi sinh vật gây hại cho hệ thống nuôi chủ yếu là các nhóm vi khuẩn không gây bệnh cho vật nuôi.

- c) Một số loại enzyme phân huỷ cũng được tổng hợp để bổ sung vào chế phẩm sinh học, nhằm hỗ trợ và tăng cường quá trình phân huỷ chất hữu cơ.
- d) Các nhóm vi sinh vật có lợi vào hệ thống nuôi ngoài tác dụng xử lí làm sạch môi trường thì sự tăng sinh của chúng sẽ lấn át và cạnh tranh với các nhóm vi khuẩn gây bệnh.

BÀI 13: VAI TRÒ CỦA GIỐNG THUỶ SẢN. (11 CÂU)

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. NHẬN BIẾT (5 CÂU)

Câu 1: Giống thuỷ sản là

- A. loài động vật thuỷ sản dùng để sản xuất giống, làm giống cho nuôi trồng thuỷ sản, bao gồm: bố mẹ, tinh, phôi, ấu trùng, mảnh cơ thể, bào tử và con giống.
- B. loài thực vật như rong, tảo dùng để sản xuất giống, làm giống cho nuôi trồng thuỷ sản, bao gồm: bố mẹ, tinh, phôi, ấu trùng, mảnh cơ thể, bào tử và con giống.
- C. loài động vật thuỷ sản, rong, tảo dùng để sản xuất giống không bao gồm ấu trùng và mảnh cơ thể.
- D. loài động vật thuỷ sản, rong, tảo dùng để sản xuất giống, làm giống cho nuôi trồng thuỷ sản, bao gồm: bố mẹ, tinh, phôi, ấu trùng, mảnh cơ thể, bào tử và con giống.

Câu 2: Để được lưu thông trên thị trường, con giống thuỷ sản phải đáp ứng các yêu cầu nào sau đây?

- A. Thuộc danh mục thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.
- B. Mang giá trị dinh dưỡng cao.
- C. Mang giá trị kinh tế cao.
- D. Không phá huỷ hệ sinh thái bản địa.

Câu 3: Để được lưu thông trên thị trường, con giống thuỷ sản phải đáp ứng các yêu cầu nào sau đây?

- A. Không thuộc danh mục thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.
- B. Được công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy theo quy định.
- C. Không phá huỷ hệ sinh thái bản địa.
- D. Chất lượng không phù hợp theo tiêu chuẩn công bố áp dụng.

Câu 4: Để được lưu thông trên thị trường, con giống thuỷ sản phải đáp ứng các yêu cầu nào sau đây?

- A. Không được kiểm dịch.
- B. Không công bố tiêu chuẩn áp dụng.
- C. Không thuộc danh mục thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.
- D. Có chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn công bố áp dụng.

Câu 5: Giống có vai trò quan trọng đối với

- A. khối lượng sản phẩm thuỷ sản.
- B. chất lượng môi trường nước nuôi.
- C. chất lượng sản phẩm thuỷ sản.
- D. các sinh vật phù du trong nước.

2. THÔNG HIỂU (3 CÂU)

Câu 1: Điều **không** phải vai trò của giống trong nuôi thuỷ sản?

- A. Quyết định năng suất nuôi thuỷ sản.
- B. Quy định chất lượng thuỷ sản.
- C. Quyết định hiệu quả kinh tế thuỷ sản
- D. Bảo vệ môi trường sinh thái.

Câu 2: Các cá thể của cùng một giống thường có

- A. ngoại hình thể chất, sức sinh sản, tính năng sản xuất tương đối giống nhau.
- B. sức đề kháng, giá trị dinh dưỡng giống hệt nhau.
- C. ngoại hình và thể chất khác nhau.
- D. sức sinh sản sản xuất khác nhau.

Câu 3: Trong cùng một điều kiện nuôi, các giống khác nhau sẽ

- A. cho năng suất và hiệu quả kinh tế khác nhau.
- B. cho năng suất và hiệu quả kinh tế giống nhau.
- C. cho giá trị kinh tế giống nhau.
- D. cho giá trị dinh dưỡng giống nhau.

3. VẬN DỤNG (2 CÂU)

Câu 1: Giống trong nuôi thủy sản có vai trò là

- A. quyết định năng suất nuôi thủy sản.
- B. quy định chất lượng sản phẩm thủy sản.
- C. quyết định năng suất và chất lượng sản phẩm thủy sản.
- D. tăng sức đề kháng, chống chịu của thủy sản với môi trường.

Câu 2: Trong ao nuôi thâm canh, sau 4 tháng nuôi, cá trên vàng đạt khối lượng từ 250g đến 300g/con; cá trê phi đạt khối lượng từ 500g đến 1000 g/con. Điều này chứng tỏ

- A. trong cùng một điều kiện nuôi, các giống khác nhau sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế như nhau.
- B. trong điều kiện nuôi khác nhau, các giống cá khác nhau sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế như nhau.
- C. trong cùng một điều kiện nuôi, các giống cá như nhau sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế khác nhau.
- D. trong cùng một điều kiện nuôi, các giống khác nhau sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế khác nhau.

4. VẬN DỤNG CAO (1 CÂU)

Câu 1: Cho các nhận định sau:

- (1) Giống có vai trò quan trọng đối với chất lượng sản phẩm thủy sản.
- (2) Trong cùng một điều kiện nuôi, các giống khác nhau sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế giống nhau.
- (3) Để được lưu thông trên thị trường, con giống thủy sản không được thuộc danh mục thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.
- (4) Mỗi loài, mỗi giống thủy sản khác nhau có chất lượng sản phẩm khác nhau.
- (5) Hiện nay hầu hết con giống thủy sản dùng để nuôi thương phẩm chủ yếu được sản xuất nhân tạo.

Số nhận định đúng là

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

B. CÂU HỎI ĐÚNG – SAI.

Câu 1: Giống là tiền đề của hoạt động nuôi trồng thủy sản và là một trong những yếu tố quyết định đến hiệu quả sản xuất.

- a) Giống nuôi càng tốt thì tỷ lệ sống và sinh trưởng sẽ cao hơn giống nuôi khác.
- b) Vấn đề chọn lọc và nhân giống là không cần thiết trong phát triển thủy sản.
- c) Giống nuôi thủy sản quyết định đến năng suất nuôi trồng.

d) Điều kiện thời tiết ảnh hưởng tiên quyết đến môi trường sống của thủy sản.

Câu 2: Trong ao nuôi thâm canh, sau 4 tháng nuôi, cá trê vàng đạt khối lượng từ 250g đến 300g/con; cá trê phi đạt khối lượng từ 500g đến 1000 g/con. Điều này chứng tỏ:

- a) Trong các điều kiện nuôi, các giống khác nhau sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế khác nhau.
- b) Trong các điều kiện nuôi, các giống khác nhau sẽ cho năng suất và hiệu quả kinh tế giống nhau.
- c) Cá trê phi có năng suất và thích nghi với môi trường hơn cá trê vàng.
- d) Điều kiện nuôi là tiền đề tiên quyết cho ra năng suất của thủy sản.

-----**HẾT**-----